

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/DS-ST  
Ngày 30 tháng 6 năm 2021  
V/V: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Thảo.

**Các hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Văn Tư.
2. Ông Nguyễn Văn Bằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Công Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2021 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP BDLV

Địa chỉ: Tòa nhà ThaiHolding, số 210 Trần Quang K, quận HK, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn Hoàng, chức vụ: Phó Trưởng phòng khách hàng và ông Nguyễn Thế Mùi, chức vụ: Phó Trưởng phòng hỗ trợ hoạt động Ngân hàng TMCP BDLV chi nhánh B.

(Ông Mùi có mặt)

\* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Quỳnh D, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số 972, đường Hoàng Hoa Thám, tổ 3, khu 34, xã Song Mai, thành phố B, tỉnh B

(Bà D có đơn đề nghị vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện nộp ngày 30/3/2021 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Thế Mùi là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 10/11/2016, bà Nguyễn Thị Quỳnh D đã ký hợp đồng tín dụng số 300.1662/2016/HĐTD và Khế ước nhận nợ số 01/2016/KU-LPB-DUONGNTQ với Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) BĐLV – Chi nhánh B để vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), mục đích vay: vay tiêu dùng; thời hạn vay là 60 tháng; lãi suất 3 tháng đầu là 13%/ năm; lãi suất các tháng tiếp theo được tính theo công thức sau: Lãi suất cho vay = lãi suất tiết kiệm 13 tháng lĩnh lãi cuối kỳ + biên độ 5,4%; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phương thức trả nợ: trả nợ gốc cố định, trả nợ lãi theo dư nợ thực tế; hình thức cho vay không tài sản bảo đảm. Kỳ hạn trả gốc là 60 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng. Số tiền trả gốc 59 kỳ đầu, mỗi kỳ là 3.340.000 đồng, số tiền trả gốc kỳ cuối là 2.940.000 đồng. Từ ngày 20/04/2019, bà Nguyễn Thị Quỳnh D vi phạm nghĩa vụ thanh toán, toàn bộ khoản nợ chuyển sang nợ quá hạn. Từ đó đến nay, Ngân hàng TMCP BĐLV - Chi nhánh B đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để bà Nguyễn Thị Quỳnh D thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không có kết quả. Tính đến ngày 18/6/2021, bà Nguyễn Thị Quỳnh D nợ Ngân hàng TMCP BĐLV tổng số tiền 141.398.153 đồng (trong đó nợ gốc: 100.140.000 đồng; nợ lãi: 41.258.153 đồng). Nay Ngân hàng TMCP BĐLV yêu cầu bà Nguyễn Thị Quỳnh D phải trả 141.398.153 đồng và toàn bộ lãi phát sinh từ sau ngày 18/6/2021 đến thời điểm thanh toán xong toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

***Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh D trình bày:*** Bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án. Ngày 10/11/2016, bà có ký Hợp đồng tín dụng số HĐTD 300.1662/2016/HĐTD và Khế ước nhận nợ số 01/2016/KU-LPB-DUONGNTQ ngày 10/11/2016 với Ngân hàng TMCP BĐLV để đề nghị vay 200.000.000 đồng. Mục đích vay là trong hợp đồng ghi là vay tiêu dùng nhưng thực tế đây là khoản vay của cá nhân bà, thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất, phương thức trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ mà bà đã ký kết với Ngân hàng.

Bà đã được Ngân hàng giải ngân đủ số tiền 200.000.000 đồng. Sau đó, hàng tháng bà đều đặn trả gốc và lãi cho Ngân hàng, mỗi tháng khảng 5.000.000 đồng-5.400.000 đồng kể từ tháng 12/2016. Bà trả tiền cho Ngân hàng liên tục trong khoảng 2 năm thì gặp khó khăn nên không trả được tiếp cho Ngân hàng.

Về trình tự ký kết và nội dung Hợp đồng tín dụng mà bà kết với Ngân hàng, bà không có ý kiến gì. Đối với số nợ gốc và nợ lãi Ngân hàng yêu cầu, bà không có ý kiến gì. Bà nhất trí trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh của bà rất khó khăn nên đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện giãn thời gian trả nợ cho bà thêm một thời gian nữa(trong thời gian này đề nghị Ngân hàng không tính lãi đối với khoản nợ của bà), khi nào bà tìm được một công việc mới thì bà sẽ lại trả nợ hàng tháng cho Ngân hàng như bà đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng số HĐTD 300.1662/2016/HĐTD và Khế ước nhận nợ số 01/2016/KU-LPB-DUONGNTQ ngày 10/11/2016.

***Tại phiên tòa hôm nay:***

Bà Nguyễn Thị Quỳnh D xin xét xử vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thế Mùi trình bày: Yêu cầu bà Nguyễn Thị Quỳnh D trả Ngân hàng TMCP BĐLV số tiền tính đến hết ngày 29/6/2021 là 136.624.169 đồng trong đó nợ gốc là 100.140.000 đồng, nợ lãi 36.484.169 đồng và toàn bộ lãi phát sinh từ ngày 30/6/2021 đến thời điểm thanh toán xong toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 300.1662/2016/HĐTD ngày 10/11/2016. Ngân hàng yêu cầu bà D thanh toán một lần đối với toàn bộ số nợ trên. Ngân hàng xin rút yêu cầu buộc bà D trả tiền phạt chậm trả lãi là 5.151.853 đồng.

Ngoài ra, Ngân hàng không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết đối với vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP BĐLV. Buộc bà Nguyễn Thị Quỳnh D phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP BĐLV số tiền tính đến hết ngày 29/6/2021 là 136.624.169 đồng trong đó nợ gốc là 100.140.000 đồng, nợ lãi 36.484.169 đồng và toàn bộ lãi phát sinh từ ngày 30/6/2021 đến thời điểm thanh toán xong toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 300.T041/2016/HĐTD ngày 10/11/2016.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Ngân hàng TMCP BĐLV về việc buộc bà D trả tiền phạt chậm trả lãi là 5.151.853 đồng.

Buộc bà D phải chịu án phí theo qui định của pháp luật. Hoàn trả Ngân hàng TMCP BDLV số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Nguyễn Thị Quỳnh D có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà D là đảm bảo qui định tại các Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Quỳnh D là cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh, ký kết hợp đồng tín dụng số 300.T041/2016/HĐTD ngày 04/10/2016 để vay tiền Ngân hàng TMCP BDLV nhằm mục đích chi tiêu cá nhân, thời hạn vay là 60 tháng. Kể từ ngày 20/04/2019, bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán, toàn bộ khoản vay của bà D sang nợ quá hạn. Các bên không tự giải quyết được tranh chấp nên ngày 30/3/2021 Ngân hàng TMCP BDLV khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu bà D thanh toán nợ trước hạn, phù hợp với thỏa thuận tại Điều 7, Điều 10 trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng. Việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP BDLV trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự, Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Thị Quỳnh D có đăng ký HKTT và sinh sống tại thành phố B. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn đủ cơ sở xác định: Ngày 10/11/2016, bà Nguyễn Thị Quỳnh D đã ký hợp đồng tín dụng số 300.T041/2016/HĐTD với Ngân hàng TMCP BDLV – Chi nhánh B để vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); thời hạn vay 60 tháng; lãi suất 3 tháng đầu là 13%/ năm; lãi suất các tháng tiếp theo được tính theo công thức sau: Lãi suất cho vay = lãi suất tiết kiệm 13 tháng lĩnh lãi cuối kỳ + biên độ 5,4%; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phương thức trả nợ: trả nợ gốc cố định, trả nợ lãi theo dư nợ thực tế; hình thức cho vay không tài sản bảo đảm. Toàn bộ số tiền vay, bà D đã sử dụng trang trải nợ cá nhân. Kể từ ngày 20/04/2019, bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng, toàn bộ số nợ của bà D chuyển sang nợ quá hạn theo Điều 5 Hợp đồng tín dụng số 300.T041/2016/HĐTD ngày 10/11/2016. Bà D phải có nghĩa vụ thanh toán nợ

trước hạn theo thỏa thuận tại Điều 7, Điều 9 trong hợp đồng tín dụng số 300.T041/2016/HĐTD ngày 10/11/2016. Tính đến hết ngày 29/6/2021, bà D còn nợ Ngân hàng TMCP BDLV tổng số tiền số tiền 136.624.169 đồng trong đó nợ gốc là 100.140.000 đồng, nợ lãi 36.484.169 đồng. Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà D trả nợ Ngân hàng TMCP BDLV số tiền tính đến hết ngày 29/6/2021 là 136.624.169 đồng và toàn bộ lãi quá hạn từ ngày 30/6/2021 đến thời điểm thanh toán xong toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 300.T041/2016/HĐTD ngày 10/11/2016.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà D trả tiền phạt chậm trả lãi là 5.151.853 đồng: Do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu tại phiên tòa nên cần đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

[5] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng TMCP BDLV được chấp nhận nên bà D phải chịu án phí dân sự theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

**1.** Buộc bà Nguyễn Thị Q uỳnh D phải trả cho Ngân hàng TMCP BDLV số tiền 136.624.169 đồng trong đó nợ gốc là 100.140.000 đồng, nợ lãi 36.484.169 đồng.

Kể từ ngày 30/6/2021, bà D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng 300.T041/2016/HĐTD ngày 10/11/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Ngân hàng TMCP BĐLV về việc buộc bà Nguyễn Thị Quỳnh D phải trả 5.151.853 đồng tiền phạt chậm trả lãi.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Quỳnh D phải chịu 6.831.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP BĐLV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.291.500 đồng theo biên lai số 0001016 ngày 07/4/2021 và biên lai số AA/2018/0002069 ngày 11/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh B;
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP B,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Phương Thảo**